

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐỊA CHỈ: SỐ 333 TRẦN HƯNG ĐẠO - P. CẦU KHO - Q. 1 - TP. HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3837 0026

FAX: (028) 3836 5898

EMAIL: vanphong@vsfc.com.vn



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN**



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2018



THÔNG TIN CHUNG
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
QUẢN TRỊ CÔNG TY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần.
Tên tiếng anh	: Vietnam Southern Food Corporation - Joint Stock Company.
Tên viết tắt	: VINAFOOD II.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/10/2018.
Vốn điều lệ	: 5.000.000.000.000 đồng.
Vốn góp của chủ sở hữu	: 5.000.000.000.000 đồng.
Trụ sở chính	: Số 333 Trần Hưng Đạo - P. Cầu Kho - Quận 1 - TP. HCM.
Số điện thoại	: (028) 3837 0026 .
Số Fax	: (028) 3836 5898.
Mã chứng khoán	VSF.

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các nhân tố rủi ro



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1976

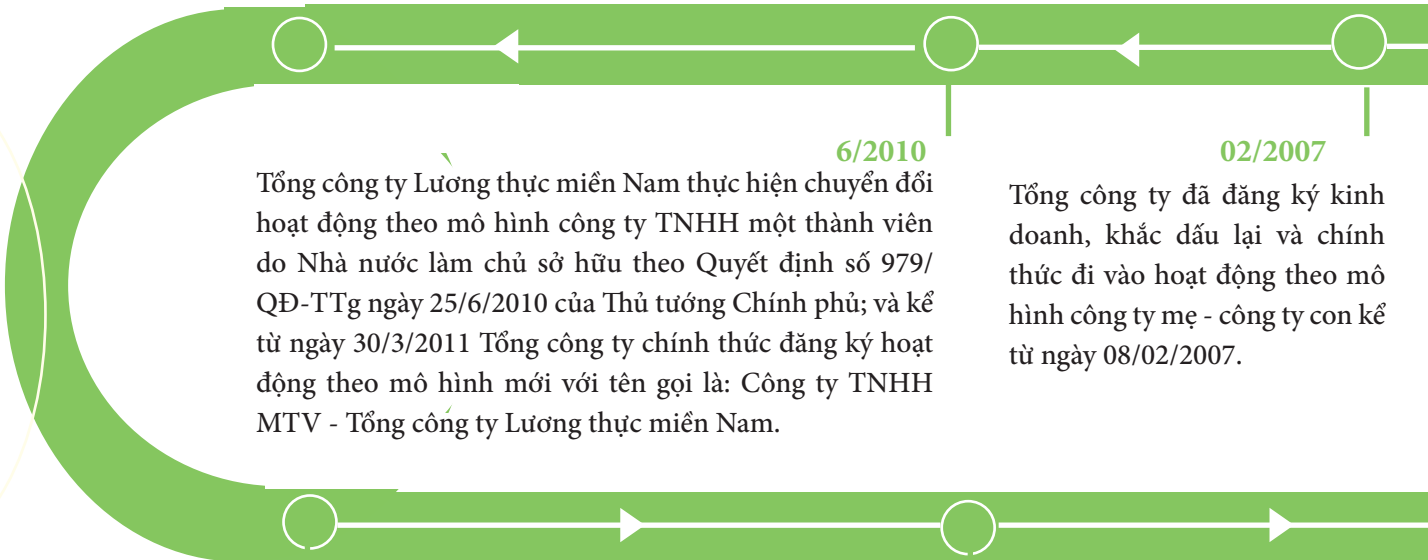
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Lương thực miền Nam (VINAFOOD II) tiền thân là Tổng công ty lúa gạo Miền Nam được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 130/LTTP ngày 18/8/1976 của Bộ Lương thực và Thực phẩm.

7/1978

Tổng công ty lúa gạo miền Nam được đổi tên thành Tổng công ty Lương thực miền Nam.

9/1986

Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty Lương thực khu vực II.



6/2010

Tổng công ty Lương thực miền Nam thực hiện chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; và kể từ ngày 30/3/2011 Tổng công ty chính thức đăng ký hoạt động theo mô hình mới với tên gọi là: Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam.

02/2007

Tổng công ty đã đăng ký kinh doanh, khắc dấu lại và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 08/02/2007.



02/2012

Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 20/12/2012 về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Nam giai đoạn 2012-2015 để tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề phục vụ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính.

29/12/2017

Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 2133/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền nam.



11/1987

Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quyết định thành lập Tổng công ty Lương thực Trung ương (Vinafood) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm trên cơ sở tổ chức lại các Tổng công ty Lương thực khu vực I, II, Miền Trung, XNK lương thực, Công ty Vật tư bao bì II và các xí nghiệp xay xát gạo và bột mì. Lúc này Tổng công ty trở thành Cơ quan đại diện Tổng công ty Lương thực Trung ương đặt tại TP. HCM.

01/1990

Thành lập lại Tổng công ty Lương thực Trung ương II (VINAFOOD II) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

7/2003

Tổng công ty bắt đầu thực hiện công cuộc sắp xếp, chuyển đổi DNNN và thí điểm tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con của Chính phủ.

5/1995

Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Tổng công ty Lương thực miền Nam trên cơ sở tổ chức lại Tổng công ty Lương thực Trung ương II, Công ty Lương thực Trung ương III và các đơn vị kinh doanh lương thực từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào. Tổng công ty còn được gọi là Tổng công ty 91 (hạng đặc biệt) vì được thành lập theo mô hình thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh tại Quyết định số 91-TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ.

14/03/2018

Công ty thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

11/09/2018

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

09/10/2018

Công ty chuyển đổi loại hình hoạt động từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần lấy tên gọi là Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (VINAFOOD II) và thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 11 vào ngày 9/10/2018 với Vốn điều lệ là 5.000.000.000.000 đồng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Thu mua, bảo quản, chế biến, sản xuất, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản; Xuất khẩu, nhập khẩu lương thực, thực phẩm, nông sản; gia công đóng gói các mặt hàng: nông, thủy sản, phân bón, vật tư nông nghiệp ...

NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh các mặt hàng thủy sản;
- Sản xuất và kinh doanh bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì;
- Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chế biến;
- Quản lý khai thác cảng biển, bến - cảng nội thủy, giao nhận hàng hóa, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển;
- Kinh doanh kho, bãi và lưu giữ hàng hóa, Logistic;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường sông, đường bộ;
- Khai thác và kinh doanh nước uống tinh khiết, nước khoáng;
- Kinh doanh xe ô tô, xe máy; Bảo dưỡng, bảo trì xe ô tô, xe máy;
- Kinh doanh hệ thống phân phối, bán lẻ các loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng, bán lẻ đồ điện gia dụng, đồ dùng nội thất;
- Kinh doanh dịch vụ trồng trọt, dịch vụ chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch và xử lý hạt giống để nhân giống;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư phục vụ sản xuất lương thực, vật tư xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh sản phẩm nhựa các loại;
- Mua bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh quảng cáo thương mại, tiếp thị.



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thị trường nội địa:

Mạng lưới phân phối rộng khắp trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam, với khoảng gần 6.000 đại lý, khách hàng trên toàn quốc. Các sản phẩm đều có mặt ở hầu hết các siêu thị lớn trong cả nước như Big C, Metro, Co.op Mart, Citimart, Maximart...

Thị trường nước ngoài:

Philippines, Malaysia, Indonesia, Bangladesh, một số nước Châu Âu, Châu Phi và Trung Đông.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



BAN KIỂM SOÁT

Ban Kế hoạch - Kinh doanh

Ban Thanh tra - Pháp chế

**CÁC CÔNG TY CÓ VỐN TCT
CHI PHỐI**

**CÁC CÔNG TY CÓ VỐN TCT
KHÔNG CHI PHỐI**

CÔNG TY CON

01 CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN LƯƠNG THỰC

Địa chỉ: 265 Điện Biên Phủ, phường 7, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: 028 9307520

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0300606715 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp ngày 04/04/2005, thay đổi lần thứ 7 ngày 10/01/2019

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến lương thực, dịch vụ XNK

Vốn điều lệ đã đăng ký: 57.615.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 57.615.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Thanh Hằng – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 2.938.365 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ

02 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC NAM TRUNG BỘ

Địa chỉ: 66 Trần Phú, Phường Phú Hà, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 0683 830576

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4500243128 Do Sở KH&ĐT Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 12/09/2008, thay đổi lần thứ 9, ngày 23/12/2016

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến lương thực, dịch vụ XNK

Vốn điều lệ đã đăng ký: 64.045.600.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 64.045.600.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá Hiền – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 4.244.280 cổ phần chiếm 66,27% vốn điều lệ



03 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO

Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP. HCM.

Điện thoại: 028 37245264

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0303752249 do Sở KH & ĐT TP. HCM cấp ngày 14/4/2005, thay đổi lần thứ 12, ngày 21/6/2016

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến lương thực, kinh doanh thương mại

Vốn điều lệ đã đăng ký: 79.181.540.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 79.181.540.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II : 4.061.852 cổ phần chiếm 51,30 % vốn điều lệ

04 CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu Phố Trung Lương, Phường 10, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại: 073. 3855684

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1200568151 do Sở KH&ĐT Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/4/2005, thay đổi lần thứ 3, ngày 10/12/2013

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh XNK bao bì

Vốn điều lệ đã đăng ký: 11.900.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 11.900.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông: Lê Tấn Thành – Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 714.000 cổ phần chiếm 60% vốn điều lệ

05 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM CÀ MAU

Địa chỉ: 969 Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP. Cà Mau

Điện thoại: 0290 3560137

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 2000101442 do Sở KH&ĐT Tỉnh Cà Mau cấp ngày 19/10/2006, thay đổi lần thứ 10, ngày 26/9/2017

Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh nông sản, thực phẩm

Vốn điều lệ đã đăng ký: 66.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 66.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Việt Hùng – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II : 4.095.600 cổ phần chiếm 62,05% vốn điều

06 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM (MECOFOOD)

Địa chỉ: 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An.

Điện thoại: 072 3521212

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1100664038 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 18/02/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 27/7/2018

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm cơ khí lương thực, kinh doanh lương thực

Vốn điều lệ đã đăng ký: 107.778.380.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 107.778.380.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường Sơn – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 6.466.800 cổ phần chiếm 60% vốn điều lệ



06 CÔNG TY CỔ PHẦN TÔ CHÂU

Địa chỉ: 1553 Quốc Lộ 30, Khóm 4, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0277 3894104

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1400521150 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 10/08/2005, thay đổi lần thứ 12, ngày 27/11/2017

Hoạt động kinh doanh chính: Nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản

Vốn điều lệ đã đăng ký: 100.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 100.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hùng Tín – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 6.540.000 cổ phần chiếm 65,40% vốn điều lệ

07 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 557-559 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 056 3827134

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4100259042 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 04/01/2008, thay đổi lần thứ 2, ngày 18/01/2013

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến kinh doanh lương thực

Vốn điều lệ đã đăng ký: 40.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 40.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Nam – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 2.040.000 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ

08 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HẬU GIANG

Địa chỉ: 869 Trần Hưng Đạo, Phường 7, Thị Xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0293 3561554

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số: 6300053518 do Sở KH&ĐT Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23/6/2008, thay đổi lần thứ 8, ngày 12/6/2015

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến kinh doanh lương thực.

Vốn điều lệ đã đăng ký: 54.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 54.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thơ – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 2.877.120 cổ phần chiếm 53,28% vốn điều lệ

09 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 96 Ngô Quyền, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0553821668

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4300524509 do Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 11/6/2010, thay đổi lần thứ 4, ngày 12/2/2015

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến kinh doanh lương thực

Vốn điều lệ đã đăng ký: 10.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 10.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Đặng Lệ – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 510.000 cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ

10 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: 0297 3863491

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1700100989 do Sở KH&ĐT Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 07/11/2005, thay đổi lần thứ 20, ngày 10/5/2018

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thương mại

Vốn điều lệ đã đăng ký: 254.300.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 254.300.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 21.184.800 cổ phần chiếm 83,31% vốn điều lệ

11 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC TPHCM

Địa chỉ: 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP. HCM.

Điện thoại: 028 39672060

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0300559014 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 15, ngày 01/09/2016

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thương mại

Vốn điều lệ đã đăng ký: 255.138.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 255.138.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh Vũ – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 15.250.900 cổ phần chiếm 59,78% vốn điều lệ

CÔNG TY LIÊN KẾT

01 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA – MILIKET

Địa chỉ: 1230 Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại: 028 37201423

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0304517551 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp ngày 23/8/2006, thay đổi lần thứ 4, ngày 22/01/2013

Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm

Vốn điều lệ đã đăng ký: 48.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 48.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Út – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 1.474.400 cổ phần chiếm 30,72% vốn điều lệ

02 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270 3822512

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 1500170900 do Sở KH&ĐT Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/12/2006, thay đổi lần thứ 20, ngày 23/11/2017

Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến lương thực

Vốn điều lệ đã đăng ký: 119.599.820.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 119.599.820.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh Hùng – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 4.784.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ



03 CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀN MỸ

Địa chỉ: 456/48 Cao Thắng (nối dài), Quận 3, TPHCM

Điện thoại: 028 39301197

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0300604965 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp ngày 30/12/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 05/8/2015

Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến lương thực, dịch vụ

Vốn điều lệ đã đăng ký: 50.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 50.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hàng Hải – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 1.500.000 cổ phần chiếm 30% vốn điều lệ

04 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: 2045 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0296 3932963

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số: 1600194461 do Sở KH&ĐT Tỉnh An Giang cấp ngày 01/4/2011, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/4/2017

Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến lương thực

Vốn điều lệ đã đăng ký: 350.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 350.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 7.181.650 cổ phần chiếm 20,52% vốn điều lệ

05 CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC V.A.P

Địa chỉ: Phường 2, Thị Xã Kiến Tường, Tỉnh Long An

Điện thoại: 02723525802

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 501043000214 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Long An cấp ngày 30/11/2011, thay đổi lần thứ 6, ngày 30/9/2013

Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến lương thực

Vốn điều lệ đã đăng ký: 97.500.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 97.500.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Arup Kumar Gutar – Tổng Giám đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 4.387.500 cổ phần chiếm 45% vốn điều lệ

06 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC CAMBODIA – VIỆT NAM

Địa chỉ: 30 Pasteur, TP Phnom Pênh – Campuchia

Điện thoại: 00855236555588

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 2750/09 do Hội đồng phát triển Campuchia cấp ngày 22/12/2009

Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh lương thực, thương mại

Vốn điều lệ đã đăng ký: 155.021.048.714 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 155.021.048.714 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Việt – Tổng Giám Đốc

Tỷ lệ vốn góp của VINAFOOD II: 57.357.788.024 đồng chiếm 37% vốn điều lệ





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của VINAFOOD II

01

- Xây dựng VINAFOOD II mạnh hơn, hiệu quả hơn, trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, đa dạng hóa sản phẩm và ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật; sử dụng có hiệu quả máy, thiết bị, đất đai và huy động các nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, quản lý sử dụng vốn, tài sản có hiệu quả.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và bản lĩnh; đồng thời, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ có trình độ chuyên môn cao, giỏi về kinh doanh.
- Duy trì, mở rộng các thị trường, khách hàng truyền thống; phát triển thị trường thương mại; đồng thời, khai thác và mở rộng thị trường nội địa để tránh phụ thuộc vào một số thị trường tập trung, nhằm tăng sản lượng bán ra, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đa dạng hóa sản phẩm gạo, có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của thị trường, khách hàng, gắn với phát triển nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu gạo doanh nghiệp.
- Thực hiện hợp tác, liên kết để tranh thủ nguồn lực đầu tư cho phát triển sản xuất, tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất, chế biến, nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh.

Chiến lược trung và dài hạn

Về phát triển sản phẩm

- Thực hiện liên kết, hợp tác xây dựng xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất lúa, gạo chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của thị trường, khách hàng và chủ động nguồn hàng với số lượng, chất lượng ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm gạo: gạo trắng thông dụng, gạo thơm, gạo đặc sản, gạo nếp,...đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng của từng thị trường, gắn với xây dựng thương hiệu gạo doanh nghiệp, nhằm tăng giá trị hạt gạo; trong đó, chú trọng phát triển sản phẩm gạo cấp cao để xuất khẩu vào các thị trường khó tính có nhu cầu gạo chất lượng cao - đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, với tiêu chuẩn quy định dư lượng thuốc BVTV trong gạo rất khắt khe.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ gạo, tạo thêm nguồn thu, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

02

Chiến lược trung và dài hạn

Về phát triển thị trường

- Ngoài việc duy trì, mở rộng các thị trường, khách hàng truyền thống, chú trọng phát triển thị trường thương mại và khai thác, mở rộng thị trường nội địa, nhằm tăng sản lượng bán ra, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh thực hiện công tác truyền thông, marketing quảng bá sản phẩm gạo trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế, nhất là xâm nhập vào thị trường các nước phát triển.
- Củng cố và phát triển hệ thống phân phối hiện có của VINAFOOD II, đẩy mạnh cung ứng sản phẩm gạo vào các kênh tiêu thụ: hệ thống đại lý, siêu thị, nhà hàng, bếp ăn tập thể khu công nghiệp, khu dân cư; cung cấp nguyên liệu cho doanh nghiệp sản xuất bún, bánh tráng,... Thực hiện chính sách bán hàng đến tay người tiêu dùng, nhằm khai thác và mở rộng thị trường trong nước.

Về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thường xuyên cập nhập, tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất, chế biến, nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Về đầu tư

Ưu tiên đầu tư đổi mới công nghệ, thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm điện năng trong khâu chế biến. Thông qua việc đầu tư tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại; đồng thời, đào tạo được đội ngũ cán bộ lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Về tài chính

Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo nguồn vốn kinh doanh và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

Về nguồn nhân lực

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của VINAFOOD II

- Đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, tiêu thụ tốt lúa hàng hoá cho nông dân.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định, bởi sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... VINAFOOD II là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế, nên hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ sự thay đổi của những nhân tố đó.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam đều chịu sự chi phối từ các văn bản Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Lao động,... và các văn bản dưới Luật liên quan. Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam để thu hút nguồn vốn bên ngoài. Chính vì thế, các chính sách kinh tế trong thời gian tới có thể sẽ có những thay đổi.

Ngoài ra, Hoạt động xuất khẩu gạo của VINAFOOD II cũng chịu ảnh hưởng bởi các chính sách của nước nhập khẩu cũng như quan hệ thương mại giữa các nước với Việt Nam. Kể từ tháng 07/2018, Trung Quốc áp dụng mức thuế nhập khẩu với tất cả loại gạo nhập từ các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, ở mức 40% - 50% (riêng tấm có thuế nhập khẩu là 5%). Đặc biệt, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch đối với gạo nếp tăng từ 5% lên đến 50%, trong khi Trung Quốc gần như là thị trường độc quyền tiêu thụ gạo nếp của Việt Nam trong những năm gần đây. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động xuất khẩu gạo nếp của doanh nghiệp Việt nói chung và của VINAFOOD II nói riêng. Bên cạnh đó, nhiều nước đang đẩy mạnh các chương trình, kế hoạch thúc đẩy sản xuất, hướng tới giảm dần phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, nhu cầu nhập khẩu gạo từ các thị trường này từ đó cũng giảm đi.

Mặt khác, vẫn có những điểm sáng đến từ các hiệp định thương mại của Việt Nam. Điển hình là 100.000 tấn gạo Việt Nam xuất khẩu sang EU sẽ được hưởng mức thuế suất ưu đãi 0% sau khi EVFTA có hiệu lực. Chính sách không ổn định hoặc thiếu độ dài cũng có tác động không nhỏ đến các doanh nghiệp xuất khẩu. Do đó, bên cạnh việc nghiêm chỉnh chấp hành theo các quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, VINAFOOD II còn liên tục theo dõi, cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục, không vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến tài chính và hình ảnh của VINAFOOD II.





RỦI RO TỶ GIÁ

Hoạt động chủ lực của VINAFOOD II là xuất khẩu gạo vì vậy yếu tố tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong năm qua, sự tăng trưởng ấn tượng của kinh tế Mỹ cùng với việc Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED) nâng lãi suất cơ bản lên 2,50% vào lần tăng thứ 4 trong năm đã giúp cho đồng USD tăng giá tương đối mạnh trên thị trường thế giới. Điều này tạo ra sức ép tăng tỷ giá giữa đồng VND và đồng USD. Dù vậy, tỷ giá VND/USD vẫn duy trì được sự ổn định nhờ vào nhiều yếu tố thuận lợi. Trong đó, sự hỗ trợ lớn nhất đến từ việc Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm, phối hợp đồng bộ các biện pháp, công cụ chính sách tiền tệ để điều tiết thanh khoản, lãi suất VND hợp lý, tạo điều kiện giữ ổn định tỷ giá cũng như tâm lý thị trường. Theo nhận định của các chuyên gia tài chính, tỷ giá VND/USD những tháng đầu năm 2019 vẫn còn trong áp lực tăng, nguyên nhân chủ yếu là do xu hướng các đồng tiền của nền kinh tế lớn như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản tiếp

tục có những diễn biến khó lường trong bối cảnh FED sẽ tiếp tục tăng dần lãi suất, chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung vẫn diễn biến khó lường. Tuy nhiên, trong dài hạn, đồng VND sẽ tăng giá nhẹ so với đồng USD vào cuối năm 2019 và 2020 nhờ sự hỗ trợ của các yếu tố tích cực từ tình hình sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế ở cả trong lẫn ngoài nước.

Trước những nhận định về diễn biến phức tạp của tỷ giá trong thời gian sắp tới VSF liên tục theo dõi tình hình tỷ giá nhằm đưa ra các quyết định phù hợp, nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh tại thị trường nước ngoài cũng như giảm thiểu các rủi ro cho VINAFOOD II.





RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH



Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Về ngành hàng lương thực, nguyên vật liệu là lúa và gạo các loại. Do sản xuất lúa vụ Đông xuân hằng năm thường cho năng suất, sản lượng và chất lượng lúa tốt nhất trong năm; nên các công ty thành viên tập trung mua vào lúa, gạo vụ Đông xuân theo chỉ tiêu Tổng công ty giao và tự doanh của đơn vị để chế biến xuất khẩu theo đơn đặt hàng của khách hàng và dự trữ để chế biến tiêu thụ; giá mua theo giá thị trường tại thời điểm.

Tuy nhiên, với diễn biến khó lường của thị trường tiêu thụ, khi giá lúa xuống sẽ chịu nhiều rủi ro. Để tránh rủi ro, các đơn vị thành viên đã chủ động hợp tác, liên kết với nông dân, HTX để xây dựng vùng nguyên liệu; đồng thời thu mua lúa, gạo qua lực lượng thương lái đem đến tại kho công ty.



Rủi ro cạnh tranh

VINAFOOD II phải chịu sức ép cạnh tranh không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà còn bởi các đối thủ từ các quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới như Thái Lan, Ấn Độ, và một số nước mới gia nhập vào thị trường như Campuchia, Mi-an-ma, Pakistan,... Ngoài ra, theo quy định mới tại Nghị định 107/2018/NĐ-CP, từ 01/10/2018, hàng loạt điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo sẽ thay đổi, mở ra cơ hội cho nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường. Bức tranh xuất khẩu gạo Việt Nam báo hiệu nhiều sự cạnh tranh hơn. Do đó, VINAFOOD II không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh; tiến hành phân tích, tìm kiếm thị trường tiềm năng để tăng nguồn khách hàng, hạn chế sự cạnh tranh... Bên cạnh đó, VINAFOOD II là công ty xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam. Hơn 40 năm qua, Tổng công ty Lương thực miền Nam đã có những bước phát triển vượt bậc về nhiều mặt, trở thành một trong những Doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo lớn trên thế giới với mức chế biến và xuất khẩu bình quân hàng năm đạt khoảng 2,8 – 3,0 triệu tấn gạo, kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 1 tỷ USD, doanh số trên 30.000 tỷ đồng đã góp phần quan trọng vào việc tiêu thụ lương thực hàng hóa cho nông dân; đầu tư tăng năng lực sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường nội địa, bình ổn giá, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đóng góp vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nên đã phần nào hạn chế được rủi ro này.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro chính, VINAFOOD II còn phải chú ý đến các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Những rủi ro này tuy hiếm xảy ra nhưng nó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động của VINAFOOD II. Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.

Ngoài ra, Nước là nguồn tài nguyên quan trọng đối với ngành nông nghiệp (ngành sản xuất tiêu thụ đến 90% lượng nước tự nhiên). Khoảng 800 triệu người Ấn Độ sống dựa vào nông nghiệp. Mức nước ngầm của Ấn Độ đã bị giảm đến 61% trong 10 năm, từ 2007 đến 2017 do đó các hoạt động tưới tiêu hiện nay của nông dân Ấn Độ không đạt hiệu quả cao, điều này đã ảnh hưởng đến năng suất cũng như chất lượng gạo của nước này. Đây là cơ hội cho các Công ty xuất khẩu gạo của Việt Nam nói chung và VINAFOOD II nói riêng có thể cạnh tranh với các Công ty xuất gạo của Ấn Độ.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong thời gian gần đây, vấn đề môi trường là một trong những vấn đề được dư luận quan tâm nhất, chính vì thế VINAFOOD II luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động sản xuất, chế biến. Trong quá trình sản xuất, việc xử lý chất thải, khí thải, nước thải,... như thế nào để tránh gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động cũng như cộng đồng xung quanh khu vực nhà máy là một vấn đề được đặt lên hàng đầu.

Bên cạnh đó, nhằm thực hiện tăng trưởng phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường và lợi ích xã hội, VINAFOOD II đặc biệt rất quan tâm đến những vấn đề về xử lý chất thải, tái sử dụng. Quá trình đô thị hoá nhanh làm cho các vị trí nhà máy xay xát lúa gạo trở nên nhạy cảm về các vấn đề môi trường, yêu cầu sản xuất sạch, xanh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên không tái sinh để phát triển bền vững. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm giảm thiểu tối đa nguồn CO₂, bụi và nước thải khi sản xuất để duy trì môi trường xanh, sạch, đẹp và tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.



02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo trách nhiệm liên quan đến môi trường và xã hội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình sản xuất kinh doanh

Kể từ ngày 9/10/2018, Công ty chính thức chuyển từ hình thức Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty cổ phần. Do đó, số liệu của năm 2018 gồm từ ngày 01/01/2018 - 8/10/2018 của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam và từ ngày 9/10/2018 - 31/12/2018 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần. Điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh không có ý nghĩa trong giai đoạn này.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	01/01/2018 - 08/10/2018	Thực hiện (9/10/2018 - 31/12/2018)
Doanh thu thuần	17.129.851	9.865.715	1.490.546
Lợi nhuận từ HĐKD	(237.132)	78.071	(1.835.159)
Lợi nhuận khác	94.371	(13.881)	(1.104)
Lợi nhuận trước thuế (chưa xử lý tài chính khi chuyển sang công ty cổ phần)	-	-	(51,534)
Lợi nhuận trước thuế(đã xử lý tài chính khi chuyển sang công ty cổ phần)	(142.761)	64.191	(1.836.263)
Lợi nhuận sau thuế	(167.319)	64.108	(1.834.472)
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Tình hình thực tế so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	%TH/KH 2018
Mua vào			
Lúa gạo, quy gạo (tấn)	1.480.270	1.440.968	97,34
Cá cơm (tấn)	1.100	1.549	140,82
Lúa mì (tấn)	55.000	30.233	54,97
Bán ra			
Gạo (tấn)	1.493.210	1.358.946	91,01
Cá cơm (tấn)	300	404	134,67
Bột mì (tấn)	47.000	31.403	66,81
Thành phẩm chế biến (tấn)	14.250	14.107	99,00
Bao bì (ngàn cái)	36.500	27.496	75,33



Do VINAFOOD II vừa chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần nên việc so sánh, đánh giá các chỉ tiêu tài chính năm nay so với các năm trước vẫn chưa được đồng nhất. Sản lượng tiêu thụ của VINAFOOD II trong năm 2018 là 1.358.946 tấn, chỉ đạt 96,36% kế hoạch đề ra. Tâm lý thích sử dụng hàng ngoại của người dân Việt Nam cùng với việc cạnh tranh gay gắt về giá gạo với các nước xuất khẩu gạo hàng đầu như Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan, Mi-an-ma.... không chỉ diễn ra ở thị trường nước ngoài mà kể cả thị trường nội địa điều này đã ảnh hưởng đến việc tiêu thụ gạo trong năm của đơn vị, sản lượng tiêu thụ nội địa là 432.582 tấn, chỉ đạt 59,50 kế hoạch đề ra. Tuy nhiên sản lượng xuất khẩu gạo của VINAFOOD II trong năm vẫn vượt 10,91% kế hoạch đề ra khi đạt 926.364 tấn. Bên cạnh đó, sản lượng cá cơm đạt 404 tấn, vượt 34,67% kế hoạch đề ra. Đạt được kết quả như trên là do sự đoàn kết quyết tâm của Ban lãnh đạo và tập thể người lao động phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Thực hiện tốt công tác dự báo, kịp thời nắm bắt được thời cơ.

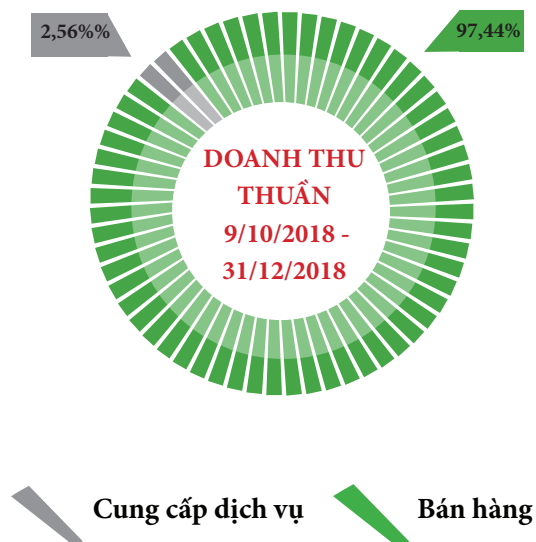
Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: triệu đồng

Hợp nhất

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		01/01/2018 - 8/10/2019		9/10/2018 - 31/12/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bán hàng	15.216.974	93,64%	16.913.168	98,74%	15.000.491	98,99%	2.520.377	97,44%
Cung cấp dịch vụ	1.006.374	6,19%	216.571	1,26%	153.040	1,01%	66.151	2,56%
Kinh doanh hàng hóa bất động sản	11.290	0,07%	-	-	-	-	-	-
Khác	15.900	0,10%	110	-	-	-	-	-
Tổng	16.250.538	100%	17.129.851	100%	15.153.531	100%	2.586.528	100%

Cơ cấu doanh thu giai đoạn 9/10/2018 - 31/12/2018 của VINAFOOD II không có sự thay đổi lớn so giai đoạn 01/01/2018 - 8/10/2018 và với các năm trước. Doanh thu bán hàng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, bằng 97,44%, giảm 1,30% so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, dù tỷ trọng trong doanh thu còn chưa đáng kể, lĩnh vực cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan cũng đang được Công ty chú trọng tăng cường phát triển. Doanh thu lĩnh vực cung cấp dịch vụ từ sấy, xay xát lúa gia công đạt mức doanh thu hơn 66,15 tỷ đồng chiếm 2,56%.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Ngọc Nam	Tổng Giám đốc
2	Ông Bạch Ngọc Văn	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phan Bá Ngọc Phương	Phụ trách Kế toán kiêm Giám đốc Ban Tài chính – Kế toán

Những thay đổi trong Ban điều hành

Theo Nghị quyết 04/2019/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 14/01/2019 của Hội đồng quản trị : “ Ông Phạm Đình Hoàng thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng VINAFOOD II kể từ ngày 14/01/2019”.

Theo Nghị quyết 05/2019/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 14/01/2019 của HĐQT: “ Bỏ nhiệm Ông Phan Bá Ngọc Phương, sinh ngày 30/03/1973 giữ chức vụ Phụ trách Kế toán VINAFOOD II, kể từ ngày 14/01/2019”.

Lý lịch ban điều hành

Ông Nguyễn Ngọc Nam - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	29/12/1964
Nơi sinh	Tiền Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	5.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00114% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	90.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18% vốn điều lệ

Ông Bạch Ngọc Văn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	28/10/1975
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	67.129.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,43% vốn điều lệ

Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	02/07/1976
Nơi sinh	Nam Định
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Luật
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Ông Phan Bá Ngọc Phương - Phụ trách Kế toán – Giám đốc Ban Tài chính – Kế toán

Năm sinh	30/3/1973
Nơi sinh	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2018

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	2.109	100,00%
1	Trình độ trên đại học	39	1,85%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	914	43,34%
3	Trình độ trung cấp	278	13,18%
4	Công nhân kỹ thuật	686	32,53%
5	Lao động phổ thông	192	9,10%
II	Theo loại hợp đồng lao động	2.109	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	1.491	70,70%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	405	19,20%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	213	10,10%
III	Theo giới tính	2.109	100,00%
1	Nam	1.549	73,45%
2	Nữ	560	26,55%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân	Đồng / người/tháng	6.052.000	5.903.000	6.553.000

Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người đạt 6.553.000 đồng/tháng, tăng 10,99% so với năm 2017. Nhìn chung thu nhập bình quân đầu người của cán bộ công nhân viên VINAFOOD II tăng qua các năm. Chính sách lương, thưởng đối với người lao động cũng ngày càng hoàn thiện hơn, thực hiện chi trả công bằng, xứng đáng với năng lực làm việc của mỗi cá nhân.





Chính sách đào tạo và phát triển

VINAFOOD II chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý sản xuất kinh doanh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất sản phẩm,... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

Chế độ lao động

VINAFOOD II luôn cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho cán bộ công nhân viên của đơn vị.

Bên cạnh đó, các công tác phòng chống cháy nổ trong nhà máy, công trình xây dựng được đơn vị quan tâm đúng mức. VINAFOOD II đã ban hành hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho công nhân viên; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của thiết bị máy móc vì một môi trường làm việc an toàn, giúp cán bộ, nhân viên lao động an tâm thực hiện sản xuất kinh doanh.

Chính sách khen thưởng

VINAFOOD II có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

Chính sách phúc lợi

VINAFOOD II luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác: thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự...

Chính sách bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe

Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên theo quy định của Nhà nước, nhân viên của Công ty còn được tổ chức khám sức khỏe và xét nghiệm kiểm tra bệnh tật định kỳ mỗi năm/lần tại các cơ sở y tế có uy tín.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư tài chính

Công ty Cổ phần Bao bì Bình Tây

Địa chỉ	697 – 699 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì
Vốn điều lệ thực góp	38.850.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của VINAFOOD II	434.343 cổ phần chiếm 11,18% vốn điều lệ

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco

Địa chỉ	58 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Ngành nghề kinh doanh chính	Thương mại, bất động sản, xây dựng
Vốn điều lệ thực góp	223.877.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của VINAFOOD II	2.746.913 cổ phần chiếm 12,27 % vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Lương thực & Bao bì Đồng Tháp

Địa chỉ	Quốc Lộ 30, Khóm 5, Phường 11, Thị Xã Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề kinh doanh chính	Kinh doanh lương thực, bao bì
Vốn điều lệ thực góp	10.560.240.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của VINAFOOD II	208.289 cổ phần chiếm 19,72 % vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Bột mì Bình An-Vinabomi

Địa chỉ	2623 Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, TP. HCM
Ngành nghề kinh doanh chính	Kinh doanh lương thực, bao bì
Vốn điều lệ thực góp	120.000.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của VINAFOOD II	2.390.333 cổ phần chiếm 19,92 % vốn điều lệ

Công ty Cổ Phần Bến Thành – Mũi Né

Địa chỉ	Khu Phố 4, Phường Mũi Né, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Ngành nghề kinh doanh chính	Dịch vụ, du lịch, khách sạn
Vốn điều lệ thực góp	142.160.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của VINAFOOD II	2.532.000 cổ phần chiếm 17,81% vốn điều lệ





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số liệu của năm 2018 gồm từ ngày 01/01/2018 - 8/10/2018 của Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam và từ ngày 9/10/2018 đến 31/12/2018 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần. Điều này làm cho các chỉ tiêu tài chính dùng để so sánh không có ý nghĩa trong giai đoạn này.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	01/01/2018 - 8/9/2018	9/10/2018 - 31/12/2018
1	Tổng giá trị tài sản	9.292.162	10.801.658	8.891.965
2	Doanh thu thuần	17.129.851	15.153.531	2.586.528
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(237.132)	28.082	(1.396.642)
4	Lợi nhuận khác	94.371	2.285	3.292
5	Lợi nhuận trước thuế	(142.761)	30.368	(1.393.350)
6	Lợi nhuận sau thuế	(167.319)	12.971	(1.488.196)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	01/01/2018 - 8/10/2018	9/10/2018 - 31/12/2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	0,95
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,29
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	55,26	62,25
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	123,50	164,87
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,31	0,83
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,51	0,26
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,09	-
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,29	-
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,13	-
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,19	-



CỜ CÁO CỔ ĐÔNG

Cổ phần

- Vốn điều lệ: 5.000.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 500.000.0000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu thường: 500.000.0000 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 500.000.0000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 09/08/2018

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	1.961	499.993.227	4.999.932.270.000	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	1	257.129.300	2.571.293.000.000	51,43%
2	Cổ đông tổ chức	3	125.700.000	1.257.000.000.000	25,14%
3	Cổ đông cá nhân	1.957	117.163.927	1.171.639.270.000	23,43%
II	Cổ đông nước ngoài	9	6.773	67.730.000	-
1	Cổ đông cá nhân	9	6.773	67.730.000	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	1.970	500.000.000	5.000.000.000.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 09/10/2018

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	257.129.300	51,43%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Số 0100233223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/11/2007, thay đổi lần thứ 19 ngày 05/09/2018	Số 18, phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.	125.000.000	25,00%
	Tổng cộng		382.129.300	76,43%





Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

QUẢN LÝ NGUỒN
NGUYÊN VẬT
LIỆU

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI





TRÁCH NHIỆM ĐỐI
VỚI NGƯỜI LAO
ĐỘNG

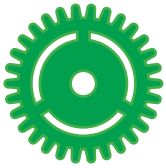
TRÁCH NHIỆM VỚI
CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU



Tổng công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Tổng công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG



Xăng dầu và điện năng là 2 nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu của VSF. Hằng năm, Công ty sử dụng năng lượng từ xăng dầu để phục vụ cho công tác vận chuyển hàng hóa và thành phẩm từ khu thu hoạch đến nhà máy xử lý. Là một doanh nghiệp có kinh doanh xăng dầu, VSF luôn chú trọng việc sử dụng tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu chi phí hàng năm.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp sản xuất, Tổng công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Tổng công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Tổng công ty đã: Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước;

- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

Kết quả, trong năm 2018 Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ môi trường, được đánh giá tốt qua các cuộc kiểm tra định kỳ của các cơ quan chức năng, được sự ủng hộ của cộng đồng dân cư.

Năm 2018 vừa qua, Tổng công ty đã không có hành vi vi phạm và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công và phát triển bền vững của VINAFOOD II. Do đó, VINAFOOD II luôn quan tâm, chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên. Đơn vị luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên được làm việc trong môi trường an toàn, lành mạnh, khuyến khích phát triển năng lực bản thân. Bên cạnh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lương thưởng, phúc lợi cho người lao động, Đơn vị còn thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ để tăng cường giao lưu giữa các phòng ban, nâng cao tinh thần đoàn kết và phối hợp giữa các bộ phận trong thực hiện công tác chung. Ngoài ra, mỗi năm VINAFOOD II đều đặt việc nâng cao mức thu nhập cho người lao động là một trong những mục tiêu cần đạt được.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

VINAFOOD II luôn coi trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một vấn đề quan trọng mà đơn vị quan tâm và đảm bảo thực hiện. Trong năm 2018 vừa qua, quá trình khai thác và sản xuất vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch, không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường hay khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi, đời sống sức khỏe,... trong phạm vi hoạt động của đơn vị.

Ngoài ra, VINAFOOD II hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương, vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện,...





03



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Kế hoạch phát triển tương lai**
- **Các biện pháp hoàn thành kế hoạch năm 2019**
- **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THÔNG TIN CHUNG

Theo thống kê của Bộ Công Thương, giá trị tiêu thụ thực phẩm hàng năm của Việt Nam ước tính khoảng 15% GDP và lượng tiêu thụ thực phẩm chế biến ở ngưỡng 9,68%. Việt Nam cũng là một trong những nước tiêu thụ gạo lớn nhất trên thế giới, trung bình người Việt Nam tiêu thụ khoảng 120kg gạo/năm (từ 9-12kg gạo/tháng) với tốc độ tăng trưởng tiêu thụ gạo tăng 2,9%. Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu gạo là một trong những thế mạnh của Việt Nam khi nước ta thường xuyên giữ vị trí hàng đầu trong top các quốc gia xuất khẩu gạo trên thế giới. Hạt gạo Việt Nam cũng dần thâm nhập được các thị trường yêu cầu chất lượng cao như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU,...



Về hoạt động cung ứng nông sản chế biến tại Việt Nam, việc đầu tư vào công nghiệp chế biến thực phẩm được đánh giá là hấp dẫn do có nhiều chính sách ưu đãi thuế như thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 25% xuống còn 20%; với những dự án thuộc diện ưu đãi đầu tư, doanh nghiệp còn được miễn giảm thuế một số năm, tối đa miễn thuế 4 năm, giảm 50% mức thuế trong 9 năm tiếp theo; miễn thuế nhập khẩu công nghệ phục vụ sản xuất. Đây là điều kiện quan trọng hỗ trợ cho nhiều doanh nghiệp ngành lương thực – thực phẩm mở rộng đầu tư, đẩy mạnh sản xuất.



Năm 2018, xuất khẩu gạo Việt Nam đạt 6,15 triệu tấn, giá trị xuất khẩu (FOB) : 3,2 tỷ USD, tăng 6% về lượng và 20% về giá trị so năm 2017.

Tuy nhiên, 3 tháng đầu năm 2019 xuất khẩu gạo giảm 3,5% về lượng và 20,2% về giá trị so cùng kỳ 2018 và đạt 1,43 triệu tấn, giá trị xuất khẩu (FOB) : 593 triệu USD. Số liệu này cho thấy thị trường xuất khẩu gạo diễn biến phức tạp khó lường, cạnh tranh xuất khẩu gạo ngày càng khốc liệt.



Thuận lợi

- Sản xuất nông nghiệp năm 2018 phát triển ổn định và có mức tăng trưởng khá do điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi.
- Chính phủ, các cấp các ngành từ Trung ương đến địa phương đã tập trung chỉ đạo nhằm đảm bảo An ninh lương thực. Hiện nay Chính phủ đang tập trung chỉ đạo xây dựng thương hiệu lúa gạo Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng gạo phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.
- Các Hiệp định song phương, đa phương có hiệu lực tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hợp tác và phát triển.
- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo cơ hội ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất lúa gạo để nâng cao năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo ra các sản phẩm mới, chế phẩm mới từ lúa, gạo,... phù hợp với xu hướng sản xuất bền vững, chuyển dịch cơ cấu gạo, tăng phân khúc gạo chất lượng cao, giảm phân khúc gạo chất lượng trung bình và thấp.



Khó khăn

- Việt Nam là một trong 5 nước bị ảnh hưởng lớn nhất do biến đổi khí hậu gây ra. Lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn thường xuyên xảy ra với tần suất và cường độ ngày càng cao đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa gạo nói riêng.
- Cạnh tranh toàn cầu trong sản xuất và kinh doanh lúa gạo ngày càng gia tăng, đặc biệt cạnh tranh về chất lượng và giá trị. Trong khi đó, nhiều nước đang đẩy mạnh các chương trình, kế hoạch thúc đẩy sản xuất, hướng tới giảm dần phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, nhu cầu nhập khẩu gạo từ các thị trường này từ đó cũng giảm đi.
- Các nước nhập khẩu ngày càng yêu cầu cao hơn về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa nông sản. Dù vậy, đây là xu hướng tất yếu của hoạt động xuất khẩu nông sản. Do đó, nếu doanh nghiệp có thể nắm bắt được nhu cầu, đưa ra các sản phẩm có chất lượng cao thì sẽ có cơ hội đón đầu xu thế, chiếm lĩnh thị trường.





- Kể từ tháng 07/2018, Trung Quốc áp dụng mức thuế nhập khẩu với tất cả loại gạo nhập từ các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, ở mức 40% - 50% (riêng gạo tấm có thuế nhập khẩu là 5%). Đặc biệt, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch đối với gạo nếp tăng từ 5% lên đến 50%, trong khi Trung Quốc gần như là thị trường độc quyền tiêu thụ gạo nếp của Việt Nam trong những năm gần đây. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động xuất khẩu gạo nếp những tháng cuối năm 2018 của doanh nghiệp Việt.
- Ngoài ra, trong năm, Chính phủ đã ban hành Nghị định 107/2018/NĐ-CP về Kinh doanh xuất khẩu gạo, có hiệu lực từ ngày 01/10/2018, cùng với Thông tư số 30/2018/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 08 năm 2018 của Chính phủ về Kinh doanh xuất khẩu gạo. Theo đó, hàng loạt quy định về điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo sẽ thay đổi, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường, đặc biệt đối với các doanh nghiệp chỉ xuất khẩu gạo hữu cơ, gạo đỏ, gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong nước từ đó cũng sẽ gia tăng

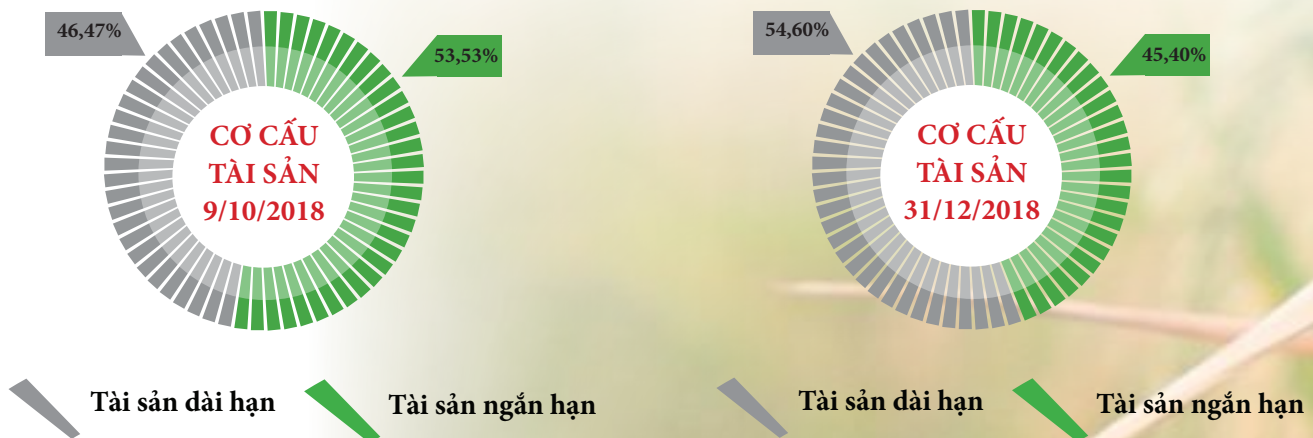


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	9/10/2018		31/12/2018		% tăng giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	5.781.745	53,53%	4.037.005	45,40%	(30,18%)
2	Tài sản dài hạn	5.019.913	46,47%	4.854.960	54,60%	(3,29%)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.801.658	100%	8.891.965	100%	(17,68%)



Cơ cấu tài sản của Công ty trong kỳ chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của tài sản dài hạn và giảm tỷ trọng của tài sản ngắn hạn. Cụ thể, tại thời điểm 9/10/2018, tài sản ngắn hạn chiếm 53,53% và tài sản dài hạn chiếm 46,47% trong tổng tài sản nhưng đến ngày 31/12/2018, tài sản dài hạn lại lớn hơn tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng lần lượt là 54,60% và 45,40%.

Tại ngày 31/12/2018, tổng tài sản của công ty giảm 17,68% so với thời điểm 9/10/2018 trong đó tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều giảm lần lượt là 30,18% và 3,29%. Trong kỳ, tài sản ngắn hạn của Công ty giảm chủ yếu là do các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho giảm lần lượt là 76,42% và 8,32%. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn giảm 2,29% là do trong kỳ Công ty đã trích 110,92 tỷ đồng để lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	9/10/2018		31/12/2018		% tăng giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	4.745.197	79,50%	4.240.325	76,61%	(10,64%)
2	Nợ dài hạn	1.223.406	20,50%	1.294.489	23,39%	5,81%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		5.968.603	100%	5.534.814	100%	(7,27%)



Nợ dài hạn

Nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn

Nợ ngắn hạn

Cơ cấu nợ của Công ty vẫn chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn. Khoản mục nợ ngắn hạn đạt 4.240,33 tỷ đồng, giảm 10,64% so với đầu kỳ, chiếm 76,61% tổng nợ phải trả. Các khoản nợ ngắn hạn trong kỳ của Công ty có sự biến động đáng kể. Khoản mục chi phí phải trả ngắn hạn giảm 30,04%, tương ứng 30,77 tỷ đồng.

Mặt khác, nợ dài hạn đạt 1.294,48 tỷ đồng, tăng 5,81% so với cùng kỳ chủ yếu do khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tăng 89,30 tỷ đồng và doanh thu chưa thực hiện dài hạn tăng 1,5 tỷ đồng. Nợ dài hạn của VSF tại ngày 31/12/2018 chủ yếu đến từ khoản mục phải trả dài hạn khác trị giá 1.165,45 tỷ đồng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của đơn vị cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

Công ty mẹ

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% so TH năm 2018
I	MUA VÀO				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	1.048.304	1.100.000	104,93
2	Lúa mì	Tấn	30.233	48.000	158,77
II	BÁN RA				
1	Gạo	Tấn	978.204	1.100.000	112,45
	- Xuất khẩu	Tấn	678.678	685.000	100,93
	- Nội địa	Tấn	299.526	415.000	138,55
2	Bột mì	Tấn	31.403	35.000	111,45
3	TP chế biến	Tấn	286	310	108,39
4	Bao bì	Ngàn cái	7.925	8.000	100,95
III	KIM NGẠCH XNK	USD	315.783.886	319.678.700	101,23
	- Xuất khẩu	USD	309.128.382	305.123.700	98,70
	- Nhập khẩu	USD	6.655.504	14.555.000	218,69
IV	DOANH THU	Tỷ đồng	11.461,256	13.826,560	120,64
V	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	(1.772,072)	50,500	-

Hợp nhất

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% so TH năm 2018
I	DOANH THU	Tỷ đồng	17.849,204	21.329,488	119,50
II	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	(1.362,983)	53,000	-





NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2019



Về công tác tổ chức nhân sự:

- Tiếp tục kiện toàn và ổn định bộ máy tổ chức, định biên nhân sự toàn Tổng công ty theo hướng tinh gọn, sử dụng nguồn nhân lực hợp lý để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả, hiệu suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh. Trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt cần tăng cường nguồn nhân sự cho công tác xây dựng kế hoạch chiến lược, công tác phát triển thị trường, phát triển sản phẩm/mặt hàng mới và nguồn nhân sự cho bộ phận tài chính, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- Tái cấu trúc lại các đơn vị trực thuộc, đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi mô hình hoạt động của các Chi nhánh trực thuộc sang Công ty TNHH và từng bước tiến đến cổ phần hóa theo chủ trương chỉ đạo của HĐQT nhằm nâng cao tính tự chủ, tinh thần trách nhiệm, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Thành lập Tổ xúc tiến thị trường thuộc Ban Kế hoạch Kinh doanh Tổng công ty.
- Xây dựng lại chế độ chính sách đối với người lao động phù hợp theo mô hình Công ty cổ phần nhằm phát huy tối đa hiệu quả; Có chính sách riêng để thu hút nhân tài, lao động lành nghề.
- Định biên nhân sự bộ phận PR Marketing có chuyên môn, phục vụ công tác Marketing nội địa và xuất khẩu.
- Tiếp tục thực hiện đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

Công tác kinh doanh:

Về sản phẩm:

Đa dạng hóa sản phẩm gạo các loại:

- Ngoài sản phẩm gạo trắng thông dụng để xuất khẩu cho các thị trường tập trung, VINAFOOD II triển khai phát triển các loại sản phẩm gạo cấp cao như gạo thơm, gạo đặc sản, gạo nếp, gạo an toàn, gạo hữu cơ để đáp ứng cho nhu cầu theo phân khúc của thị trường.
- Phát triển thêm các sản phẩm mới, ngành hàng mới có lợi thế và được sự hỗ trợ của nhóm cổ đông lớn, cổ đông chiến lược.

Về công tác sản xuất chế biến:

- Thường xuyên cải tiến và kiểm soát quy trình thu mua, sản xuất chế biến, lưu trữ lúa gạo đảm bảo ngày càng nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.
- Định lượng lại công cụ quản lý trong thu mua và sản xuất chế biến, cụ thể thực hiện lại định mức kỹ thuật, ban hành các định mức về tỷ lệ thu hồi, quy trình trong sản xuất chế biến bảo quản.
- Tiếp tục đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu cánh đồng lớn trên cơ sở liên kết với hợp tác xã nông nghiệp theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 về việc Phê duyệt đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020” của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao - an toàn thực phẩm phù hợp với nhu cầu, thị hiếu tiêu thụ của khách hàng.



Về thị trường và khách hàng:

Thị trường xuất khẩu:

- Duy trì thị trường, khách hàng truyền thống, đặc biệt là các thị trường lớn như: Philippines, Indonesia, Malaysia và Bangladesh. Ngoài ra, tăng cường công tác thông tin, dự báo thị trường và chăm sóc khách hàng, thường xuyên quan tâm công tác xúc tiến thương mại để mở rộng và phát triển thị trường mới, khách hàng mới. Hiểu rõ nhu cầu của khách hàng là tiền đề để xây dựng các mối quan hệ lâu dài với khách hàng, mang lại giá trị cao hơn cho khách hàng.
- Thường xuyên quan tâm công tác xúc tiến thương mại để mở rộng và phát triển thị trường, khách hàng.
- Tăng cường công tác thông tin dự báo thị trường và chăm sóc khách hàng.
- Cần khai thác tốt hơn các mối quan hệ với các đối tác là các tập đoàn, công ty đa quốc gia, các đại diện nước ngoài, tham tán thương mại, người mua truyền thống để mở rộng và phát triển thị trường ngày càng tốt hơn.
- Làm việc với các ngân hàng có Văn phòng đại diện tại nước ngoài như Agribank, Vietinbank, Vietcombank, MB, SHB, HD bank. Từ đó, tìm cách khai thác thêm các khách hàng mới thông qua sự giới thiệu của hệ thống các ngân hàng này. Đặc biệt là đối với 2 thị trường trọng điểm hiện tại là Châu Phi và Châu Á (Trung Quốc).

Thị trường nội địa:

VINAFOOD II có 7 đơn vị kinh doanh gạo có đăng ký nhãn hiệu, 12 đơn vị kinh doanh gạo đóng túi 2kg/5kg/10kg, có trên 32 nhãn hiệu gạo đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đây được xem là những nhãn hiệu đã gây được thiện cảm đối với người tiêu dùng nội địa. Lợi nhuận sẵn có nhưng tiềm năng chưa được khai thác đúng mức, trong khi thị trường xuất khẩu cạnh tranh ngày càng khốc liệt, thị trường nội địa sẽ là một thị trường giàu tiềm năng nếu VINAFOOD II biết cách khai thác triệt để.

Do đó, trong năm 2019, VINAFOOD II sẽ đặc biệt đẩy mạnh công tác truyền thông, marketing, nâng cấp nhãn hiệu gạo hiện có và xây dựng nhãn hiệu gạo mới, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng, cụ thể như sau:

- Củng cố và kiện toàn hệ thống phân phối; duy trì và mở rộng hệ thống đại lý, khách hàng làm vệ tinh cho công ty.
- Tăng cường hơn nữa công tác thông tin, marketing, truyền thông giới thiệu sản phẩm của các đơn vị phụ thuộc
- Tăng sản lượng gạo bán ra thị trường nội địa theo các kênh phân phối: cung ứng cho hệ thống siêu thị, bếp ăn tập thể, khu công nghiệp; cung cấp nguyên liệu gạo cho doanh nghiệp chế biến bún, bánh tráng; cung ứng cho hệ thống đại lý, khách hàng của đơn vị; bán gạo sỉ, lẻ trực tiếp cho khách hàng, người tiêu dùng, hộ mua bán gạo khu vực chợ, khu chung cư;.....
- Tăng sản lượng gạo bán ra thị trường nội địa theo các kênh phân phối: cung ứng cho hệ thống siêu thị; cung ứng cho bếp ăn tập thể, khu công nghiệp; cung cấp nguyên liệu gạo cho doanh nghiệp chế biến bún, bánh tráng; cung ứng cho hệ thống đại lý, khách hàng của đơn vị; bán gạo sỉ, lẻ trực tiếp cho khách hàng, người tiêu dùng, hộ mua bán gạo khu vực chợ, khu chung cư;.....



Công tác quản lý tài chính:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính năm 2019 phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và chiến lược kinh doanh của Tổng công ty.
- Tăng cường và mở rộng quan hệ với các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng để xây dựng hạn mức tín dụng, đảm bảo nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Hoàn chỉnh và triển khai sớm các quy chế, quy định, quy trình về công tác quản lý tài chính của toàn Tổng công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị thành viên, nhằm bảo toàn vốn, tránh lãng phí, gây thất thoát tài sản hoặc phát sinh nợ khó đòi.
- Tổ chức thực hiện thu hồi các khoản nợ phát sinh, khó đòi. Nghiên cứu đề xuất giải pháp tái cấu trúc cơ cấu nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.



Công tác quản lý điều hành và ứng dụng công nghệ 4.0

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã được HĐQT phê duyệt, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch hành động cụ thể hàng tháng, quý.
- Thực hiện đầu tư, trang bị và áp dụng công nghệ thông tin hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp (văn phòng điện tử, hệ thống ERP...), góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành và hợp tác giữa các đơn vị trong toàn Tổng công ty, giữa Tổng công ty với các cơ quan chủ quản và thực hiện giao dịch với đối tác, khách hàng.



Công tác kiểm tra giám sát

- Thường xuyên kiểm soát tính tuân thủ các quy chế, quy định về quản trị nội bộ trong toàn Tổng công ty.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm soát nội bộ các đơn vị trực thuộc và các bộ phận nghiệp vụ, đặc biệt thường xuyên cân đối, kiểm soát tiền và hàng.



Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Phối hợp với Ban Tài chính Kế toán để thu xếp nguồn vốn chủ sở hữu đối với các hạng mục đầu tư có sử dụng nguồn vốn này một cách hợp lý. Đồng thời đôn đốc các đơn vị chủ động liên hệ với các Ngân hàng để vay đầu tư các hạng mục có nguồn vốn vay.
- Đánh giá hiệu quả sau đầu tư để có cơ sở điều chỉnh đầu tư cho hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả khi đầu tư. Tiếp tục rà soát hiệu quả các phương án đầu tư đối với các hạng mục có yêu cầu lập phương án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự án đầu tư khi tiến hành đầu tư.
- Nghiên cứu nhu cầu của thị trường về chất lượng sản phẩm để có bố trí công nghệ hợp lý và đầu tư máy móc thiết bị phù hợp, nâng cao năng suất, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Đôn đốc các đơn vị trực thuộc đầu tư theo hình thức tập trung ưu tiên, các hạng mục công trình thật sự cần thiết đầu tư thì tiến hành đầu tư trước, đưa ngay vào sử dụng nhằm phát huy ngay hiệu quả đầu tư. Tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định, tăng cường kiểm tra việc thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định tại Quy chế đầu tư nội bộ của Tổng công ty.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính (BCTC) được kiểm toán năm 2018 của Công ty, thực hiện bởi đơn vị kiểm toán độc lập là do Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phát hành BCTC của VINAFOOD II được đánh giá đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề mà đơn vị kiểm toán đã đưa ra tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”. Những vấn đề này liên quan đến các nội dung sau:



Về việc chậm công bố thông tin báo cáo tài chính

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước sang Công ty cổ phần chính thức kể từ ngày 09/10/2018. Tuy nhiên, do Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần có quy mô lớn với 45 Công ty bao gồm 15 đơn vị phụ thuộc và 24 công ty cổ phần chi phối và không chi phối nên việc lập Báo cáo tài chính của Tổng công ty sẽ phụ thuộc vào tiến độ nộp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc, công ty cổ phần chi phối và không chi phối. Cụ thể, trong kỳ báo cáo này do Công ty CP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (là đơn vị Tổng công ty góp vốn chi phối 59,78%) đến ngày 09/05/2019 mới có báo cáo kiểm toán gửi về Tổng công ty. Do vậy Tổng công ty không thể hoàn thành báo cáo tài chính để công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định.

Mặt khác, do đây là kỳ báo cáo đầu tiên của Tổng công ty sau khi chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu đầu kỳ của báo cáo tài chính niên độ từ ngày 09/10/2018 - 31/12/2018 sẽ là số liệu cuối kỳ của báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Tuy nhiên, do Tổng công ty có quy mô lớn, việc lập báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần để làm cơ sở thực hiện quyết toán bàn giao vốn nhà nước theo quy định về cổ phần hóa (bao gồm báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2018 - 08/10/2018 và báo cáo tài chính từ ngày 01/04/2015 - 08/10/2018) có rất nhiều vấn đề đặc thù trong công tác quyết toán cổ phần hóa DNNN nên cần rất nhiều thời gian để hoàn thành. Vì vậy, đây cũng là một trong những lý do dẫn đến việc Tổng công ty chậm công bố thông tin báo cáo tài chính niên độ từ 09/10/2018 - 31/12/2018



Về việc ý kiến kiểm toán loại trừ đối với báo cáo tài chính niên độ từ 09/10/2018 — 31/12/2018

Đối với Báo cáo của Công ty mẹ

Tại báo cáo kiểm toán số 200519.007/BCTC.HCM ngày 20 tháng 05 năm 2019 do Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phát hành có đưa ra cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

“Vào năm 2015, Công ty Lương thực Trà Vinh (Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty) đã chuyển nhượng Bất động sản là nhà số 02 Điện Biên Phủ, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh theo phương thức bán đấu giá với giá trị đấu giá thành công là 11.760.421.000 VND (chưa bao gồm VAT) đang được theo dõi trên khoản mục Doanh thu chưa thực hiện. Giá vốn và chi phí chuyển nhượng là 3.399.767.364 VND đang được theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước ngắn hạn. Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng Bất động sản nhưng chưa ghi nhận doanh thu, giá vốn của hoạt động chuyển nhượng này vào kết quả hoạt động kinh doanh, số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến nội dung này có thể sẽ thay đổi sau khi có quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng.



Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 08/10/2018, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận công nợ liên quan đến khoản phải thu các công ty con về tiền lãi do chậm nộp tiền cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty với số tiền là 22.079.961.265 đồng do các bên liên quan đến vấn đề này đang tiếp tục thương thảo các nội dung liên quan đến số tiền lãi nêu trên. Đến thời điểm 31/12/2018, khoản công nợ này vẫn chưa được đối chiếu xác nhận. ”

Tổng Công ty xin được giải trình như sau:

- Công ty Lương thực Trà Vinh là đơn vị trực thuộc đang trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 5417/QĐ-BNN-QLDN ngày 18/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước thì số tiền bán tài sản trên đất, công ty nhà nước được sử dụng theo chế độ hiện hành, số tiền thu được từ chuyển quyền sử dụng đất sau khi trừ đi chi phí có liên quan phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước. Trong năm 2015, Công ty Lương thực Trà Vinh đã chuyển nhượng Bất động sản là nhà số 02 Điện Biên Phủ, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên do chưa xác định được tài sản trên có thuộc đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ hay không. Do đó, Tổng công ty chưa thể ghi nhận doanh thu, giá vốn của hoạt động chuyển nhượng này vào kết quả hoạt động kinh doanh mà chỉ theo dõi trên khoản mục Doanh thu chưa thực hiện, đồng thời giá vốn và chi phí chuyển nhượng đang được theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước ngắn hạn. Tổng Công ty đã báo cáo chi tiết đến Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn về vấn đề này để xin ý kiến chỉ đạo. Hiện nay, VINAFOOD II đang chờ Bộ tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn xem xét và cho ý kiến về nội dung này. Tổng công ty sẽ thực hiện điều chỉnh ngay khi có Quyết định phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước chuyển sang Công ty Cổ phần của các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Tổng Công ty đã trình bày đầy đủ nội dung vấn đề này trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018 để người sử dụng báo cáo được biết.
- Trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty, hai công ty con là Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang và Công ty TNHH MTV Lương thực TP. Hồ Chí Minh đã lần lượt chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ tháng 7/2016 và tháng 9/2016. Tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ DNNN, Tổng Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính tại thời điểm 08/10/2018 làm cơ sở bàn giao, quyết toán cổ phần hóa. Do việc hai công ty con này chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng Công ty có thể làm nảy sinh khả năng Kiểm toán nhà nước sẽ tính lãi phạt đối với số tiền chậm nộp nên Tổng Công ty đã tạm ước tính tổng số tiền phạt chậm nộp này tính đến ngày 08/10/2018 theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/11/2011 của Chính phủ là khoảng 22 tỷ đồng và trình bày vào Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 08/10/2018 để dự phòng nguồn nộp về Quỹ HTSXDN trung ương. Khoản lãi phạt chậm nộp này được Tổng Công ty theo dõi như khoản phải thu và sẽ phải nộp về Nhà nước nên không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Do các bên chưa thống nhất được về lãi suất dùng để tính lãi phạt chậm nộp nên chưa ký xác nhận khoản công nợ này với nhau nên Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính tại ngày 08/10/2018. Sau khi VINAFOOD II chuyển đổi thành Công ty cổ phần thì khoản phải thu và phải trả nêu trên được chuyển giao sang giai đoạn công ty cổ phần. Do các bên vẫn chưa thống nhất ký xác nhận công nợ và VINAFOOD II đang chờ Kết luận của Kiểm toán nhà nước về vấn đề này nên Kiểm toán viên tiếp tục đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề xác nhận khoản công nợ nêu trên đối với báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Đây là vấn đề phát sinh trong giai đoạn cổ phần hóa DNNN và chuyển giao sang công ty cổ phần tiếp tục theo dõi và xử lý. Tổng công ty sẽ thực hiện điều chỉnh ngay khi có quyết định phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước chuyển sang Công ty cổ phần của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.



Đối với Báo cáo của hợp nhất Tổng công ty

Tại báo cáo kiểm toán số 200519.008/BCTC.HCM ngày 20 tháng 05 năm 2019 do Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phát hành có đưa ra cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ bổ sung thêm 2 nội dung so với Báo cáo kiểm toán Công ty mẹ:

“ Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đang trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty cổ phần Lương thực Hậu Giang là 28.771.200.000 VND theo giá gốc do Công ty con này đã tạm ngưng hoạt động. Khoản đầu tư này đã được dự phòng tổn thất toàn bộ. Với những thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm (xem thêm chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất số 04b).

Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đang trình bày giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bao gồm Công ty TNHH Lương thực V.A.P. Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi, Cơ sở nuôi cá ở khém Long Trị với tổng giá trị đầu tư là 60.540.508.822 VND (đã dự phòng tổn thất 44.312.724.796 VND) theo giá gốc do các công ty này chưa lập báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018. Với những thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm (xem thêm chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất số 04b). ”

VINAFOOD II xin được giải trình như sau:

Do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Đồng thời tại thời điểm 31/12/2018 do các đơn vị trên không gửi báo cáo tài chính cho Tổng công ty với lý do:

- Công ty CP Lương thực Hậu Giang đã tạm ngưng hoạt động, tòa án đang xét xử vụ án liên quan giữa Công ty CP Lương thực Hậu Giang và Công ty TNHH XNK TM Võ Thị Thu Hà và chưa có phán quyết cuối cùng về kết quả xét xử.
- Thực hiện công văn số 10717/BNN-QLDN ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH Lương thực VAP đang tiến hành các thủ tục phá sản theo quy định, thực hiện bán đấu giá tài sản nhưng đến 31/12/2018 vẫn chưa hoàn tất thủ tục phá sản.
- VINAFOOD II đầu tư gián tiếp vào Công ty cổ phần Phú Tam Khôi với tỷ lệ lợi ích 23,91% (Công ty CP Lương thực TP. HCM đầu tư trực tiếp vào Công ty CP Phú Tam Khôi với tỷ lệ 40%). Mặc dù Công ty CP Lương Thực TP. HCM đã có văn bản yêu cầu Công ty cổ phần Phú Tam Khôi gửi báo cáo kiểm toán cho Công ty CP Lương thực TP. HCM nhưng đến thời điểm Tổng công ty lập báo cáo hợp nhất vẫn chưa nhận được báo cáo kiểm toán của Công ty CP Phú Tam Khôi.
- Cơ sở nuôi cá Khém Long Trị chỉ mới giai đoạn góp vốn đầu tư chưa đi vào hoạt động nên Tổng công ty thực hiện ghi nhận theo giá gốc.
- Vì vậy Tổng công ty đã trình bày khoản đầu tư vào các Công ty trên theo giá gốc và trích lập dự phòng tổn thất đầu tư theo quy định.



04





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
- Các biện pháp hoàn thành kế hoạch



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khép lại năm 2018, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có xu hướng chững lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, kinh tế nước ta vẫn duy trì đà tăng trưởng từ năm 2017 và đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. GDP đạt 7,08%, vượt mục tiêu 6,7% và là mức tăng cao nhất trong vòng một thập kỷ qua. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định xu hướng phục hồi rõ nét khi đạt mức tăng 2,89% - cao nhất trong giai đoạn 2012 - 2018, đóng góp 0,36 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

Đây cũng là năm VINAFOOD II thực hiện chuyển đổi từ loại hình Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần. Trở thành Công ty Cổ phần, Tổng công ty sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động, cơ cấu cổ đông sẽ đa dạng hơn, mở ra cơ hội cho nhiều nhà đầu tư được tham gia cống hiến, xây dựng Tổng công ty, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho Tổng Công ty. Điều này cũng đồng nghĩa khả năng huy động vốn của VINAFOOD II sẽ cao hơn, từ đó đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng công ty, giảm bớt sức ép từ lãi vay ngân hàng, đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển.



Hơn 40 năm thành lập và phát triển, VINAFOOD II đã có những bước phát triển vượt bậc về nhiều mặt, trở thành một trong những doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo lớn trên thế giới với mức chế biến và xuất khẩu bình quân hàng năm đạt khoảng 2,8 – 3,0 triệu tấn gạo, kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 1 tỷ USD, doanh thu trên 30.000 tỷ đồng, góp phần quan trọng vào việc tiêu thụ lương thực hàng hóa cho nông dân; đầu tư tăng năng lực sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường nội địa, bình ổn giá, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đóng góp vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Công ty đã đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước tín nhiệm cao, nhận được nhiều giải thưởng, thành tích xuất sắc trong kinh doanh như Giải thưởng Doanh nghiệp hàng đầu trong xuất khẩu gạo, Chứng nhận Doanh nghiệp có kim ngạch xuất nhập khẩu xuất sắc, Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín nhiều năm liên tiếp,...

Trong năm 2018, bước đầu ổn định, củng cố, đầu tư để chuẩn bị, hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm tiếp theo. Các cấp công đoàn đã rất tích cực trong việc tổ chức, tham gia các hoạt động chăm lo đời sống, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ – công nhân viên, con em người lao động. Hàng năm người lao động được Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp phát thuốc phòng bệnh, bảo hộ lao động,...





Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban lãnh đạo Tổng công ty là những người giàu năng lực, có chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác điều hành. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, phấn đấu của Ban Tổng Giám đốc và các cấp điều hành trong quá trình chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh song song với việc ổn định bộ máy tổ chức khi Tổng công ty mới chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần.
- Năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã từng bước tổ chức lại doanh nghiệp, phân định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban, tạo điều kiện phát huy năng lực của từng cá nhân và tập thể, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.
- Việc công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019
Vốn điều lệ	Triệu đồng	5.000.000
Doanh thu thuần	Triệu đồng	13.826.560
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	50.500
Tỷ lệ cổ tức	%	-

CÁC KẾ HOẠCH HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

Công tác quản trị

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại.
- Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT; Tăng cường họp báo, họp giao ban giữa Ban Tổng Giám Đốc và các phòng ban, các đơn vị thành viên để trao đổi thông tin và đề ra các kế hoạch và chiến lược kinh doanh hiệu quả.
- Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

Về sản phẩm

Ngày càng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ. Tăng cường đầu tư, nghiên cứu để đưa ra các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Về thị trường

Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị, đấu thầu nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Ưu tiên cho việc phát triển các thị trường truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có chất lượng cao. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế.

Về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

Về tài chính

Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

Về nhân lực

Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ công tác nhân sự.



05



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Thù lao và các khoản lợi ích



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên		Chức vụ
1	Ông	Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch
2	Bà	Nguyễn Thị Hoài	Phó chủ tịch
3	Ông	Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên
4	Ông	Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên
5	Ông	Bạch Ngọc Văn	Thành viên

Thay đổi Hội đồng quản trị: Không có

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị



Ông Trần Mạnh Hoàì - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	04/02/1965
Nơi sinh	Thái Bình
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	100.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Hoàì - Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	03/01/1980
Nơi sinh	Thái Bình
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	75.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn T&T

Ông Nguyễn Ngọc Nam - Thành viên HĐQT

Năm sinh	29/12/1964
Nơi sinh	Tiền Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	5.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00114% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	90.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 18% vốn điều lệ đại diện cho Vốn nhà nước - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ông Đỗ Ngọc Khanh - Thành viên HĐQT

Năm sinh	06/08/1983
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	50.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn T&T

Ông Bạch Ngọc Văn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	28/10/1975
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	67.129.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 13,43% vốn điều lệ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	08	100%	
Nguyễn Thị Hoài	Phó Chủ tịch	08	100%	
Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên	08	100%	
Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên	06	85,7%	
Bạch Ngọc Văn	Thành viên	06	85,7%	

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số nghị quyết/quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-ĐHĐCĐ	11/09/2018	Nghị quyết Đại hội cổ đông lần thứ nhất - TCTLTMN CTCP
2	02/2018/NQ-VSF-HĐQT	11/09/2018	Nghị quyết V/v phiên họp lần 1 của HĐQT
3	04/2018/NQ-VSF-HĐQT	12/09/2018	Nghị quyết V/v phiên họp ngày 12/09/2018 của HĐQT
4	06/2018/NQ-VSF-HĐQT	2/10/2018	Nghị quyết V/v phiên họp ngày 2/10/2018 của HĐQT
5	07/2018/NQ-HĐQT	2/11/2018	Nghị quyết V/v ủy quyền, bảo lãnh hạn mức tín dụng cho Công ty Bột mì Bình Đông vay vốn mua 2.000 tấn lúa mì Úc APW
6	09/2018/NQ-LTMN-HĐQT	14/11/2018	Nghị quyết V/v phiên họp ngày 14/11/2018 của HĐQT
7	14/2018/NQ-LTMN-HĐQT	24/12/2018	Nghị quyết V/v phiên họp ngày 24/12/2018 của HĐQT
8	17/2018/NQ-LTMN-HĐQT	28/12/2018	Nghị quyết V/v thông qua mức tiền lương chi trả cho các nhân sự trong thời gian sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự tại Văn phòng TCT

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ Quyết định số 13/2018/QĐ-LTMN-HĐQT về việc thành lập Ban Thu hồi công nợ và xử lý tài chính thuộc Văn phòng HĐQT Tổng công ty và bổ nhiệm ông Nguyễn Thọ Trí, nguyên Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty TNHH MTV giữ chức vụ Trưởng Ban.

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên		Chức vụ
1	Ông	Nguyễn Quốc Đạt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà	Lê Thị Thảo	Kiểm soát viên
3	Ông	Nguyễn Như Khoa	Kiểm soát viên

Lý lịch Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quốc Đạt - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	20/09/1976
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Lê Thị Thảo - Kiểm soát viên

Năm sinh	18/7/1973
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	1.700 cổ phần, 0,0003% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	chiếm 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Như Khoa - Kiểm soát viên

Năm sinh	01/05/1976
Nơi sinh	Long An
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Quản lý
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	1.700 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Trưởng ban	03	100%	
Bà Lê Thị Thảo	Kiểm soát viên	03	100%	
Ông Nguyễn Như Khoa	Kiểm soát viên	03	100%	

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Căn cứ chức năng nhiệm vụ, BKS đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con.
- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực Kế toán Việt nam.
- Kiểm tra, thẩm định tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính định kỳ quý/ năm do BTGD cung cấp. Từ đó, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ, quản lý tài sản và trích lập các khoản dự phòng theo quy định.
- BKS đã phối hợp với HĐQT chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
- Năm 2018, BKS đã phối hợp với BTGD tiến hành xây dựng tiền lương kế hoạch, thẩm định tiền lương thực hiện của người lao động và tiền lương của viên chức quản lý.
- Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty. Từ đó, phân tích môi trường hoạt động, phát hiện những rủi ro tiềm ẩn để kiến nghị BTGD các giải pháp phòng ngừa và chủ động kiểm soát.
- Trong năm 2018, BKS không nhận được đơn thư, khiếu kiện nào của cổ đông có liên quan đến Công ty.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN GIAO DỊCH

Lương thưởng, thù lao

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao
1	Hội đồng quản trị		
Ông	Trần Mạnh Hoài	107.608.700	-
Bà	Nguyễn Thị Hoài	112.799.000	-
Ông	Nguyễn Ngọc Nam	-	25.900.000
Ông	Đỗ Ngọc Khanh	-	25.900.000
Ông	Bạch Ngọc Văn	-	25.900.000
2	Ban kiểm soát		
Ông	Nguyễn Quốc Đạt	96.393.000	-
Bà	Lê Thị Thảo	-	18.500.000
Ông	Nguyễn Như Khoa	-	18.500.000
3	Ban điều hành		
Ông	Nguyễn Ngọc Nam	104.138.920	-
Ông	Bạch Ngọc Văn	89.865.000	-
Ông	Phạm Tuấn Anh	54.400.000	-
Ông	Phạm Đình Hoàng	45.737.000	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ: Không có giao dịch





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 5417/QĐ-BNN-QLDN ngày 18/12/2014. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09 tháng 10 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018
Bà Nguyễn Thị Hoài	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018
Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018
Ông Bạch Ngọc Văn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018
Ông Bạch Ngọc Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/11/2018
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/11/2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Đạt	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/09/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Tổng Công ty áp dụng đối với Tổng Công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc 

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần được lập ngày 10 tháng 05 năm 2019, từ trang 07 đến trang 75, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Vào năm 2015, Công ty Lương thực Trà Vinh (Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty) đã chuyển nhượng Bất động sản là nhà số 02 Điện Biên Phủ, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh theo phương thức bán đấu giá với giá trị đấu giá thành công là 11.760.421.000 VND (chưa bao gồm VAT) đang được theo dõi trên khoản mục Doanh thu chưa thực hiện. Giá vốn và chi phí chuyển nhượng là 3.399.767.364 VND đang được theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước ngắn hạn. Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng Bất động sản nhưng chưa ghi nhận doanh thu, giá vốn của hoạt động chuyển nhượng này vào kết quả hoạt động kinh doanh. Số liệu trên báo cáo tài chính liên quan đến nội dung này có thể sẽ thay đổi sau khi có quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng (xem thêm chi tiết tại Thuyết minh số 40b của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất).

- Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đang trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty cổ phần Lương thực Hậu Giang là 28.771.200.000 VND theo giá gốc do Công ty con này đã tạm ngưng hoạt động. Khoản đầu tư này đã được dự phòng tổn thất toàn bộ. Với những thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm (xem thêm chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất số 04b).
- Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đang trình bày giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bao gồm Công ty TNHH Lương thực V.A.P, Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi, Cơ sở nuôi cá ở khém Long Trị với tổng giá trị đầu tư là 60.540.508.822 VND (đã dự phòng tổn thất 44.312.724.796 VND) theo giá gốc do các công ty này chưa lập báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018. Với những thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm (xem thêm chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất số 04b).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc về một số vấn đề sau:

- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Lương thực miền Nam đã chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 09/10/2018 và đang trong quá trình chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa nên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm có thể bị thay đổi do ảnh hưởng từ kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.
- Công ty Lương thực Trà Vinh (đơn vị trực thuộc Tổng Công ty) đã lập dự phòng tổn thất toàn bộ cho số hàng tồn kho thiếu chờ xử lý đang trình bày tại khoản mục Tài sản thiếu chờ xử lý. Hiện nay cơ quan cảnh sát điều tra đang làm rõ. Tổng Công ty vẫn đang theo dõi diễn tiến của vụ án (xem chi tiết tại thuyết minh Báo cáo tài chính số 08 và số 09). Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan đến nội dung này có thể sẽ thay đổi sau khi có quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng.
- Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá lại Khu vườn cây sinh thái Long Trị tại Công ty Lương thực Trà Vinh (Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty) khi tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo kiểm toán nhà nước ngày 03/03/2017. Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan đến nội dung này có thể sẽ thay đổi sau khi có quyết định cuối cùng của cơ quan chức năng.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 40c, Tổng Công ty còn một số cơ sở nhà đất chưa thống nhất phương án sử dụng đất, còn có ý kiến khác nhau giữa Tổng Công ty, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty sẽ xử lý khi có quyết định cuối cùng của các cơ quan chức năng.
- Tổng Công ty có 1 cơ sở nhà đất tại số 289 đường Bến Bình Đông, phường 14, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định thu hồi và chuyển giao về Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý theo quy định. Tuy nhiên, theo Văn bản số 1638/TCT-KT-XDCB ngày 25/09/2018 của Tổng Công ty thì cơ sở nhà, đất này Tổng Công ty đã đưa vào giá trị cổ phần hóa, đã công khai tại bản công bố thông tin đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng và đã tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu nên Tổng Công ty đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp rà soát lại phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa và việc xác định giá trị doanh nghiệp, phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đảm bảo tuân thủ chế độ quy định và thống nhất với các cơ quan chức năng về phương án sắp xếp cơ sở nhà, đất theo quy định (xem chi tiết tại Thuyết minh số 40c).



Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 05 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	09/10/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.037.004.845.517	5.781.744.823.341
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	396.377.371.528	298.570.004.281
111	1. Tiền		389.366.988.447	285.059.749.565
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.010.383.081	13.510.254.716
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		29.502.150.000	47.002.150.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.150.000	2.150.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	29.500.000.000	47.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		529.409.037.427	2.244.896.400.966
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	645.428.818.244	1.163.149.165.515
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	409.160.658.029	414.040.411.817
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	94.397.608.521	96.725.841.006
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.281.553.578.501)	(90.994.548.506)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	661.975.531.134	661.975.531.134
140	IV. Hàng tồn kho	10	2.820.079.912.429	3.076.035.803.987
141	1. Hàng tồn kho		2.886.079.045.321	3.076.035.803.987
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(65.999.132.892)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		261.636.374.133	115.240.464.107
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	168.465.290.879	21.151.618.262
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		87.374.309.757	85.941.902.786
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	5.796.773.497	8.081.843.059
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	65.100.000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	09/10/2018
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.854.959.753.985	5.019.912.762.814
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		603.832.172.539	607.707.396.724
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	595.149.412.491	599.119.636.676
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	8.682.760.048	8.587.760.048
220	II. Tài sản cố định		3.716.439.011.761	3.772.497.164.725
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.900.374.185.227	2.951.905.115.601
222	- Nguyên giá		6.236.568.167.979	6.226.053.766.059
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.336.193.982.752)	(3.274.148.650.458)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	816.064.826.534	820.592.049.124
228	- Nguyên giá		854.673.296.162	858.397.811.162
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.608.469.628)	(37.805.762.038)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	23.323.940.367	23.594.686.518
231	- Nguyên giá		49.576.252.218	49.576.252.218
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.252.311.851)	(25.981.565.700)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	82.146.089.587	82.745.456.513
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		5.021.110.927	5.045.592.487
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		77.124.978.660	77.699.864.026
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	203.551.011.102	309.195.900.568
251	1. Đầu tư vào công ty con		28.771.200.000	28.771.200.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		210.519.726.068	208.074.783.306
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		75.100.108.871	75.100.108.871
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(110.920.023.837)	(2.750.191.609)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		225.667.528.629	224.172.157.766
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	222.338.580.387	223.043.236.170
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.a	3.328.948.242	1.128.921.596
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.891.964.599.502	10.801.657.586.155

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	09/10/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.534.814.061.677	5.968.602.963.728
310	I. Nợ ngắn hạn		4.240.325.168.846	4.745.196.918.867
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	360.873.768.410	234.552.225.765
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	204.783.645.362	124.048.135.664
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	17.569.514.894	18.781.363.903
314	4. Phải trả người lao động		48.796.329.585	68.846.388.914
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	71.669.011.529	102.435.963.845
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	13.589.824.799	15.947.596.722
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	202.270.971.116	231.100.583.496
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	3.296.995.734.890	3.918.953.898.685
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		4.254.338.679	10.255.200.064
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.522.029.582	20.275.561.809
330	II. Nợ dài hạn		1.294.488.892.831	1.223.406.044.861
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	22	8.087.295.818	6.587.295.818
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	1.165.452.236.816	1.170.557.239.001
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	31.507.803.375	46.117.510.042
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.b	89.441.556.822	144.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.357.150.537.825	4.833.054.622.427
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	3.357.150.537.825	4.833.054.622.427
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.890.195.478	2.890.195.478
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		452.222.999	452.222.999
416	4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(215.070.235.809)	(215.070.235.809)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(12.304.926.032)
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		85.866.483.306	85.866.483.306
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		248.545.027.781	248.545.027.781
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.964.737.702.039)	(479.639.698.266)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		(479.639.698.266)	(431.586.588.430)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(1.485.098.003.773)	(48.053.109.836)
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		199.204.546.109	202.315.552.970
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.891.964.599.502	10.801.657.586.155

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần
Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

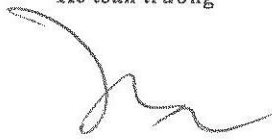
Báo cáo tài chính hợp nhất
Kỳ kế toán từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Phan Bá Ngọc Phương

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019



Nguyễn Ngọc Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 09/10/2018	Từ ngày 01/01/2018
			đến ngày 31/12/2018	đến ngày 08/10/2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	2.586.824.106.708	15.160.908.448.625
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	296.086.219	7.377.214.860
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.586.528.020.489	15.153.531.233.765
11	4. Giá vốn hàng bán	27	2.446.162.527.921	13.771.176.224.685
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		140.365.492.568	1.382.355.009.080
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	10.816.488.462	48.652.335.614
22	7. Chi phí tài chính	29	156.171.114.919	230.905.627.018
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		35.723.319.457	135.802.819.022
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		2.444.942.762	1.240.657.841
25	9. Chi phí bán hàng	30	106.230.007.511	865.234.935.093
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	1.287.868.017.531	308.025.027.903
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.396.642.216.169)	28.082.412.521
31	12. Thu nhập khác	32	17.854.919.706	31.822.097.028
32	13. Chi phí khác	33	14.562.784.489	29.536.811.866
40	14. Lợi nhuận khác		3.292.135.217	2.285.285.162
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.393.350.080.952)	30.367.697.683
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	7.748.163.605	16.932.639.633
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35.c	87.097.530.176	463.870.347
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.488.195.774.733)	12.971.187.703
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(1.485.088.769.463)	16.107.748.181
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(3.107.005.270)	(3.136.560.478)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(2.970)	

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Phan Bá Ngọc Phương

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 09/10/2018	Từ ngày 01/01/2018
			đến ngày 31/12/2018	đến ngày 08/10/2018
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.393.350.080.952)	30.367.697.683
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		68.553.576.593	217.906.483.338
03	- Các khoản dự phòng		1.358.727.133.730	(391.012.156.291)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.275.713.494	10.544.399.195
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.547.221.473)	(12.541.426.721)
06	- Chi phí lãi vay		35.723.319.457	135.802.819.022
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		69.382.440.849	(8.932.183.774)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		528.976.537.651	(404.214.835.354)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		189.956.758.666	(960.902.524.395)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		142.880.051.963	131.610.042.573
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(146.609.016.834)	75.177.457.325
14	- Tiền lãi vay đã trả		(61.887.906.883)	(106.066.745.868)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.586.948.642)	(25.373.327.869)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.078.590.445	48.789.535.476
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(753.532.227)	(24.174.061.658)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		730.436.974.988	(1.274.086.643.544)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.917.483.708)	(51.183.515.617)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		776.427.272	771.929.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(29.500.000.000)	(52.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		47.000.000.000	11.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	48.442.748.794
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.204.048.260	19.690.683.150
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.562.991.824	(23.278.154.582)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.961.875.963.281	10.447.447.253.276
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.598.443.833.743)	(9.747.657.832.496)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(636.567.870.462)	699.789.420.780
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		97.432.096.350	(597.575.377.346)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 09/10/2018 đến ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 09/10/2018	Từ ngày 01/01/2018
			đến ngày 31/12/2018	đến ngày 08/10/2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		298.570.004.281	895.695.450.030
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		375.270.897	449.931.597
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>396.377.371.528</u>	<u>298.570.004.281</u>

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Phan Bá Ngọc Phương

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Nam

Toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần được đăng tải tại website của Công ty, chuyên mục Quan hệ Cổ đông theo đường link:

<https://www.vinafood2.com.vn/quan-he-co-dong>



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tp. HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Nam